

Bản án số: 101/2025/DS-ST
Ngày: 25-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Mộng Thu;
2. Ông Nguyễn Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C; địa chỉ trụ sở chính: số A T, phường C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp:

- Bà Nguyễn Thị H – chức vụ: Phó Giám đốc; Vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị Ngọc N – chức vụ: Phó Giám đốc; Vắng mặt.
- Bà Phạm Thị Thanh T – chức vụ: Phó Giám đốc; Vắng mặt.
- Ông Lê Hải L – chức vụ: Phó Giám đốc; Vắng mặt.
- Bà Nguyễn Ngọc T1 – chức vụ: Phó PT Phòng Tổng hợp; Vắng mặt.
- Ông Tiêu Ngọc Q – chức vụ: Nhân viên XLNCVĐ; Vắng mặt.
- Bà Dương Thị Diễm T2 – chức vụ: Nhân viên XLNCVĐ; Có mặt.
- Ông Trần Văn H1 – chức vụ: Nhân viên XLNCVĐ; Vắng mặt.

Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền lại số 361/UQ-CNKCND-TCHC ngày 21/10/2024).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành T3, sinh ngày 11/8/1988; CCCD số: 074088000290; địa chỉ: tổ E, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn T4, sinh ngày 01/01/1963; CCCD số: 074063000302; địa chỉ thường trú: tổ E, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: số A đường Đ, ấp S, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Ánh H2, sinh ngày 07/12/1964; CCCD số: 074164000351; địa chỉ thường trú: tổ E, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: số A đường Đ, ấp S, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Tuyết T5, sinh ngày 09/7/1992; CCCD số: 074192000249; địa chỉ thường trú: tổ E, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: số A đường Đ, ấp S, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 11 năm 2024, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Khu công nghiệp B - Phòng G (Nay là Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Đông Thành phố H) và ông Nguyễn Thành T3 thỏa thuận hợp đồng cho vay cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 034/2023-HDCVHM/NHCT901 ngày 12/05/2023, vay 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, thời hạn trả lãi ngày 25 hàng tháng, thời hạn trả gốc tối đa 12 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh; ngày 17/08/2023 giải ngân 600.000.000 đồng, ngày 18/08/2023 giải ngân 400.000.000 đồng, ngày 09/05/2024 giải ngân 1.000.000.000 đồng. Tính đến ngày 02/07/2024, ông Nguyễn Thành T3 đã thanh toán được 80.786.849 đồng tiền nợ lãi cho đến nay không thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi.

- Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiểm hợp đồng số 1394887 ngày 10/11/2023, hạn mức tín dụng của thẻ 100.000.000 đồng, thời hạn sử dụng thẻ đến 30/11/2028, thời hạn trả nợ là trước ngày 6 hàng tháng, mục đích sử dụng thẻ để thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại các Đơn vị chấp nhận thẻ và rút tiền mặt tại các điểm ứng tiền mặt. Tính đến ngày 24/9/2025, tổng dư nợ thẻ của ông T3 đã sử dụng là 128.094.311 đồng (Bao gồm nợ gốc 98.694.071, nợ lãi 27.529.219 và phí phát sinh 1.871.021 đồng).

Do ông Nguyễn Thành T3 vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay nên Ngân hàng TMCP C khởi kiện yêu cầu như sau:

Buộc ông Nguyễn Thành T3 phải trả cho Ngân hàng TMCP C tiền gồm nợ gốc, nợ lãi và các chi phí phát sinh theo các Hợp đồng cho vay tính đến ngày 24/9/2025 là 2.428.717.058 đồng và còn phải thanh toán các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 25/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 034-2023-HĐCVHM/NHCT901 ngày 12/05/2023 là 2.300.622.747 đồng (trong đó nợ gốc 2.000.000.000 đồng, nợ lãi 300.622.747 đồng).

- Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1394887 ngày 10/11/2023 là 128.094.311 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Thành T3 không thực hiện trả toàn bộ số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP C được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số 6, tờ bản đồ số 35, tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương (Nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 853675, số vào sổ cấp GCN: CS01474 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 24/11/2016; Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 46/2022/HĐBD/NHCT901 ngày 13/04/2022 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 021/2023/VBSBBSHĐBD/NHCT901 ngày 12/05/2023 đã ký giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Khu công nghiệp B - Phòng G và ông Nguyễn Thành T3, đã công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Đ, tỉnh Bình Dương, đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Bình Dương chứng nhận thế chấp ngày 13/04/2022 để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng TMCP C.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp nhưng không đủ để thanh toán các khoản nợ thì ông Nguyễn Thành T3 phải có trách nhiệm trả hết số nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP C.

Bị đơn ông Nguyễn Thành T3 vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị Ánh H2 và bà Nguyễn Thị Tuyết T5 vắng mặt nhưng có ý trình bày trong quá trình tố tụng: Các ông bà là cha, mẹ và em của ông Nguyễn Thành T3. Ông T4, bà Á và bà T5 hiện nay đang sinh sống trên thửa đất số 6, tờ bản đồ số 35, tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là của vợ chồng ông T4 đã tặng cho ông Nguyễn Thành T3. Vợ chồng ông T4 không biết ông T3 thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho Ngân hàng TMCP C. Vợ chồng ông T4 đề nghị ngân hàng cho ông bà trả nhiều lần đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngân hàng TMCP C khởi kiện ông Nguyễn Thành Trung liên Q1 đến hợp đồng tín dụng nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C, nhận thấy: nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 034/2023-HDCVHM/NHCT901 ngày 12/05/2023, ông T3 vay 2.000.000.000 đồng. Ngoài ra, hai bên còn ký Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1394887 ngày 10/11/2023 hạn mức tín dụng thẻ 100.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP C đã giải ngân số tiền vay cho T3 đúng thỏa thuận. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng trên ông T3 không trả nợ cho Ngân hàng TMCP C theo đúng thời hạn thỏa là vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, vi phạm Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, Ngân hàng TMCP C yêu cầu ông T3 phải trả nợ gốc và tiền lãi là có cơ sở chấp nhận. Đồng thời, ông T3 phải tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2025 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ gốc.

[4] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng TMCP C là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 06 tờ bản đồ số 35 tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương (Nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 853675, sổ vào sổ cấp GCN: CS01474 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 24/11/2016 cho ông Nguyễn Thành T3. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 46/2022/HĐBD/NHCT901 ngày 13/04/2022 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 021/2023/VBSBBSHĐBD/NHCT901 ngày 12/05/2023 giữa Ngân hàng TMCP

C - Chi nhánh Khu công nghiệp B - Phòng G và ông Nguyễn Thành T3 (đã công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Đ, tỉnh Bình Dương và đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Bình Dương chứng nhận thế chấp ngày 13/04/2022) để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng TMCP C. Hợp đồng thế chấp các bên tự nguyện ký kết và có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Do đó, trong trường hợp ông Nguyễn Thành T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì TMCP C có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về trả nợ và xử lý tài sản bảo đảm là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng theo quy định.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại Tòa án;

Căn cứ Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C đối với ông Nguyễn Thành T3 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Buộc ông Nguyễn Thành T3 phải thanh toán cho TMCP C số tiền tính đến ngày 24/9/2025 là 2.428.717.058 đồng (Hai tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu bảy trăm mười bảy nghìn không trăm năm mươi tám đồng). Bao gồm:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 034-2023-HĐCVHM/NHCT901 ngày 12/05/2023 là 2.300.622.747 đồng (trong đó nợ gốc 2.000.000.000 đồng, nợ lãi 300.622.747 đồng).

- Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1394887 ngày 10/11/2023 là 128.094.311 đồng,

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2025) cho đến khi thi hành án xong ông Nguyễn Thành T3 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng.

- Trong trường hợp ông Nguyễn Thành T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 06 tờ bản đồ số 35 tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 853675, sổ vào sổ cấp GCN: CS01474 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 24/11/2016 cho ông Nguyễn Thành T3 và tài sản gắn liền với diện tích đất đã thế chấp để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng TMCP C.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP C (Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 46/2022/HĐBD/NHCT901 ngày 13/04/2022 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 021/2023/VBSBBSHĐBD/NHCT901 ngày 12/05/2023 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Khu công nghiệp B - Phòng G và ông Nguyễn Thành T3).

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Thành T3 phải chịu án phí sơ thẩm là 80.574.341 đồng (Tám mươi triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm bốn mươi một đồng)

Ngân hàng TMCP C không phải chịu án phí, được nhận lại 36.653.638 đồng (Ba mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0005094 ngày 10/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn T3 phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và phải trả lại cho Ngân hàng TMCP C 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) đã nộp tạm ứng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thêm